

quản lý giá tính thuế nhập khẩu, không đủ điều kiện áp dụng giá tính thuế theo hợp đồng.

- Mặt hàng nhập khẩu không thuộc Danh mục quản lý giá tính thuế nhập khẩu, có đủ điều kiện áp dụng giá tính thuế theo hợp đồng nhưng cơ quan quản lý thu thuế có đủ cơ sở xác định giá ghi trên hợp đồng không phù hợp với giá nhập khẩu thực tế và đơn vị nhập khẩu không chứng minh được giá nhập khẩu ghi trên hợp đồng là giá nhập khẩu thực thanh toán.

Việc ấn định trị giá tính thuế nhập khẩu phải được thực hiện theo quy chế thống nhất, chặt chẽ, khách quan, không gây ách tắc và tiêu cực trong việc giải phóng hàng.

II. Thay thế điểm 3, Mục II, Phần C về điều kiện xem xét thực hiện áp dụng giá tính thuế theo hợp đồng như sau:

“3. Đơn vị, doanh nghiệp nhập khẩu và ủy thác nhập khẩu không có nợ thuế thuộc diện cưỡng chế (có xác nhận của cơ quan hải quan);”

III. Thay thế Phần D về xử lý vi phạm như sau:

“Trường hợp phát hiện có sự gian dối trong hợp đồng ngoại thương; không khai báo với cơ quan hải quan khi có sự thay đổi mục đích sử dụng nguyên liệu vật tư đã được tính thuế theo giá ghi trên hợp đồng ngoại thương hoặc vi phạm các quy định tại Thông tư này thì ngoài việc truy thu đủ thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), sẽ bị xử phạt về hành vi trốn lậu thuế theo quy định của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt hiện hành và theo các quy định tại Nghị định số 22/CP ngày 17/4/1996 của Chính phủ về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế, Thông tư số 45/TC-TCT ngày 01/8/1996 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 22/CP của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế và Thông tư số 128/1998/TT-BTC ngày 22/9/1998 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 45/TC-TCT ngày 01/8/1996 của Bộ Tài chính”.

IV. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 1999. Các điểm quy định tại Thông tư số 82/1997/TT-BTC ngày 11/11/1997 của Bộ Tài chính nếu không trái với Thông tư này vẫn có hiệu lực thi hành. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính và Tổng cục Hải quan để xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thủ trưởng

PHẠM VĂN TRỌNG

THÔNG TƯ số 93/1999/TT-BTC ngày 28/7/1999 hướng dẫn về hoàn thuế giá trị gia tăng.

Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/1998/TT-BTC ngày 27/6/1998, Thông tư số 175/1998/TT-BTC ngày 24/12/1998 hướng dẫn thi hành Nghị định số 28/1998/NĐ-CP ngày 11/5/1998 và Nghị định số 102/1998/NĐ-CP ngày 21/12/1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng; Quyết định số 1632/1998/QĐ-BTC ngày 17/11/1998 ban hành Quy chế lập, quản lý, sử dụng quỹ hoàn thuế giá trị gia tăng. Để thực hiện hoàn thuế giá trị gia tăng đúng chế độ, kịp thời, Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể một số vấn đề về hoàn thuế giá trị gia tăng như sau:

I. VỀ ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC HOÀN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

1. Đối tượng được hoàn thuế giá trị gia tăng:

Các cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế được xét hoàn thuế giá trị gia tăng trong các trường hợp sau đây:

09662157

a) Cơ sở kinh doanh trong 3 tháng liên tục có số thuế đầu vào được khấu trừ lớn hơn số thuế đầu ra. Số thuế đầu vào được khấu trừ bao gồm số thuế đầu vào phát sinh trong tháng và số thuế đầu vào được khấu trừ của tháng trước chuyển qua.

Ví dụ: Công ty B có số kê khai thuế giá trị gia tăng như sau:

(Đơn vị: triệu đồng)

Thời gian	Thuế đầu vào	Thuế đầu ra	Chênh lệch	Thuế phải nộp (lũy kế)
Tháng 2	600	100	- 500	- 500
Tháng 3	100	200	+ 100	- 400
Tháng 4	150	200	+ 50	- 350

Theo ví dụ trên, Công ty B thuộc đối tượng được xét hoàn thuế. Số thuế được hoàn của 3 tháng là 350 triệu đồng.

b) Cơ sở kinh doanh hàng xuất khẩu có số thuế giá trị gia tăng đầu vào được hoàn lớn do xuất khẩu các mặt hàng theo thời vụ, theo chuyến hàng có giá trị, số lượng lớn thì được xét hoàn thuế theo từng tháng hoặc từng chuyến hàng. Số thuế được hoàn lớn được xác định từ 300 triệu đồng trở lên.

c) Cơ sở sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng có mua sắm tài sản cố định do đầu tư mới hoặc đầu tư mở rộng, đầu tư chiều sâu; việc hoàn thuế giá trị gia tăng đầu vào của tài sản cố định mua sắm mới được thực hiện theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 15 Nghị định số 28/1998/NĐ-CP của Chính phủ.

d) Ngoài các đối tượng nêu trên, đối với các trường hợp cơ sở kinh doanh quyết toán thuế khi sáp nhập, chia tách, giải thể, phá sản, có số thuế giá trị gia tăng nộp thừa, nếu cơ sở đề nghị hoàn trả thì được hoàn thuế, hoặc cơ sở kinh doanh có quyết định hoàn thuế của cơ quan có thẩm quyền (các trường hợp này không phân biệt cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế hay tính trực tiếp trên giá trị gia tăng).

2. Đối tượng được hoàn thuế giá trị gia tăng có trách nhiệm:

a) Lập hồ sơ đề nghị hoàn thuế gửi cơ quan thuế. Hồ sơ hoàn thuế được quy định đối với từng trường hợp theo điểm I Phần D Thông tư số 89/1998/TT-BTC ngày 27/6/1998 của Bộ Tài chính.

b) Trường hợp hồ sơ không rõ ràng hoặc không đầy đủ, cơ quan thuế yêu cầu bổ sung hồ sơ hoặc giải trình thì cơ sở đề nghị hoàn thuế phải cung cấp hồ sơ bổ sung hoặc giải trình theo yêu cầu của cơ quan thuế.

c) Doanh nghiệp đề nghị được hoàn thuế phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu kê khai liên quan đến việc xác định về số thuế được hoàn. Mọi trường hợp sai sót nếu kiểm tra, phát hiện đều bị xử lý truy thu về thuế. Tùy theo nguyên nhân và mức độ vi phạm còn bị phạt hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo pháp luật.

II. THẨM QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN THUẾ VÀ KHO BẠC NHÀ NƯỚC TRONG VIỆC GIẢI QUYẾT HOÀN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

1. Thẩm quyền giải quyết hoàn thuế:

a) Cục trưởng Cục Thuế xem xét, ra quyết định hoàn thuế cho các đối tượng được hoàn thuế giá trị gia tăng thuộc đối tượng quản lý trực tiếp của Cục Thuế và Chi cục Thuế.

b) Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế xem xét, ra quyết định hoàn thuế cho các đối tượng đặc biệt theo ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Tổng công ty thành lập theo Quyết định số 90/TTg ngày 07/3/1994 và Quyết định số 91/TTg ngày 07/3/1994 của Thủ tướng Chính phủ (gọi tắt là các Tổng công ty 90, 91) nếu hoàn thuế tập trung tại các Văn phòng Tổng công ty.

2. Trách nhiệm của cơ quan thuế trong việc hoàn thuế:

a) Thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ hoàn thuế của các đối tượng nộp thuế. Bộ phận tiếp nhận ghi rõ ngày tiếp nhận và chuyển kịp thời tới bộ phận kiểm tra, xử lý.

b) Thực hiện việc kiểm tra hồ sơ, xác định số hoàn thuế:

- Bộ phận kiểm tra hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra: bảng kê khai tổng hợp số thuế giá trị gia tăng đầu ra, số thuế giá trị gia tăng đầu vào phát sinh được khấu trừ, hợp đồng xuất khẩu, hợp đồng gia công xuất khẩu với nước ngoài, tờ khai hàng hóa xuất khẩu có xác nhận về số lượng hàng hóa thực xuất khẩu của hải quan cửa khẩu...

- Kiểm tra số thuế đề nghị hoàn; đối chiếu giữa bảng kê hóa đơn mua vào, bán ra, thuế đầu ra, thuế đầu vào được khấu trừ... đối chiếu với tình hình kinh doanh, thu nộp của tháng trước, từ đó xác định số thuế thực tế được hoàn để làm thủ tục hoàn thuế cho doanh nghiệp.

Trường hợp kiểm tra hồ sơ nếu thiếu thì yêu cầu đơn vị bổ sung; nếu phát hiện kê khai không đúng hoặc chưa rõ, có thể trao đổi với đơn vị để xác định rõ. Trong trường hợp cụ thể có thể yêu cầu đơn vị giải trình hoặc bổ sung hồ sơ chứng minh (chưa phải là kiểm tra).

Cơ quan thuế có trách nhiệm xem xét hồ sơ và giải quyết hoàn thuế cho đơn vị trong thời gian 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị hoàn thuế của đơn vị gửi đến. Trường hợp phải kiểm tra, xác minh, bổ sung hồ sơ... thì thời gian tối đa là 30 ngày. Nếu không đủ thủ tục và điều kiện được hoàn thuế phải trả lời cho đơn vị biết trong khoảng thời gian 7 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ.

c) Lập quyết định hoàn thuế: sau khi kiểm tra, nếu đủ thủ tục, điều kiện theo quy định tại điểm I Phần D Thông tư số 89/1998/TT-BTC ngày 27/6/1998 của Bộ Tài chính thì xác định số thuế hoàn trả, trình Cục trưởng Cục Thuế ra quyết định hoàn thuế cho đối tượng nộp thuế theo đúng luật định.

Sau khi hoàn thuế, trường hợp nghi vấn hoặc cần tổ chức kiểm tra, thanh tra tại cơ sở để xác định đúng số hoàn thuế, thì cơ quan thuế quyết định kiểm tra hoặc thanh tra.

3. Trách nhiệm của Kho bạc nhà nước:

Nhận được quyết định hoàn thuế và ủy nhiệm chi hoàn thuế giá trị gia tăng do cơ quan thuế gửi đến, Kho bạc nhà nước tỉnh, thành phố thực hiện việc chi hoàn thuế giá trị gia tăng cho các đối tượng trong thời gian tối đa là 3 ngày kể từ ngày nhận được chứng từ chi hoàn thuế. Đồng thời Kho bạc nhà nước tỉnh, thành phố có trách nhiệm làm ngay thủ tục thanh toán với quỹ hoàn thuế giá trị gia tăng mở tại Kho bạc nhà nước Trung ương.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Để việc hoàn thuế giá trị gia tăng theo đúng luật định, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố tích cực chỉ đạo ngành Thuế thực hiện hoàn thuế giá trị gia tăng cho các đối tượng nộp thuế đảm bảo kịp thời, chính xác, đúng đối tượng. Đồng thời yêu cầu các ngành phối hợp với ngành Thuế tăng cường kiểm tra, hướng dẫn các đối tượng nộp thuế thực hiện nghiêm chỉnh chế độ kế toán, thống kê, hóa đơn, chứng từ; kê khai đầy đủ, chính xác số thuế phải nộp cũng như số thuế đề nghị hoàn.

Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký. Những quy định trước đây về việc hoàn thuế giá trị gia tăng trái với quy định tại Thông tư này đều bãi bỏ. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc liên quan đến việc giải quyết hoàn thuế, đề nghị các đối tượng nộp thuế, các ngành, các địa phương phản ánh kịp thời để Bộ Tài chính nghiên cứu, giải quyết./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thư trưởng

PHẠM VĂN TRỌNG